

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Liên thông - Xây dựng DD Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Liên thông cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng 2 Học Kỳ : 1 Lần : 2

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3310501002	Lê Quốc	Bảo	12/02/1982	0						0.00	0.00				
2	3310501004	Nguyễn Ánh	Châu	26/12/1983	1						1.00	0.30				
3	3310501010	Bùi Tiến	Dưỡng	20/11/1986	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
4	3310501012	Nguyễn Thành	Đông	24/07/1988	2						2.00	0.60	6.00	4.20	5	
5	3310501013	Nguyễn Ngọc	Hạnh	01/01/1982	3						3.00	0.90	6.00	4.20	5	Học lại
6	3310501015	Nguyễn Ngọc	Hoạt	26/10/1986	0						0.00	0.00				
7	3310501020	Nguyễn Bá	Lộc	05/10/1988	4						4.00	1.20				
8	3310501022	Nguyễn Công	Minh	10/04/1985	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
9	3310501025	Phan Thanh	Phong	05/03/1988	0						0.00	0.00	4.00	2.80	3	Học lại
10	3310501026	Hồ Văn	Quý	03/12/1986	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
11	3310501027	Phạm Ngọc	Quý	14/02/1988	1						1.00	0.30				
12	3310501028	Cao Minh	Tâm	16/12/1984	0						0.00	0.00				
13	3310501029	Lang Thành	Tâm	26/06/1985	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
14	3310501031	Lê Đức	Thắng	15/02/1983	0						0.00	0.00				
15	3310501035	Nguyễn Minh	Thành	13/09/1984	5						5.00	1.50				
16	3310501036	Lê Văn	Thái	20/07/1988	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
17	3310501037	Nguyễn Văn	Thảo	23/10/1983	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
18	3310501038	Hồ Quốc	Thế	24/11/1981	0						0.00	0.00				
19	3310501039	Từ Sĩ	Thế	12/10/1986	0						0.00	0.00				
20	3310501040	Võ Văn	Thư	20/10/1983	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
21	3310501042	Mã Chiêu	Toàn	31/01/1986	0						0.00	0.00				

STT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3310501047	Nguyễn Thanh Toàn	23/11/1987	0						0.00	0.00				
23	3310501043	Đoàn Minh Trung	19/07/1987	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
24	3310501001	Đỗ Xuân Tuyến	06/07/1983	0						0.00	0.00	5.00	3.50	4	

Tổng: 24.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	0	0.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	0	0.0
Trung bình	10	41.7
Không đạt	2	8.3
Miễn thi	0	0.0

Trưởng Khoa

Tp.HCM, ngày/..../.....
 Giáo Vụ Khoa